

CHRISTOLOGY KITÔ HỌC

Tổng Giáo Phận Galveston-Houston
Học Viện Thần Học Lời Nhập Thể
Phaolô Phạm Xuân Khôi
giaolygh@gmail.com
713-398-1554
<http://evangelization.space>

Opening Prayer - Mt. 16: 13-16

¹³When Jesus went into the region of Caesarea Philippi he asked his disciples, "Who do people say that the Son of Man is?" ¹⁴They replied, "Some say John the Baptist, others Elijah, still others Jeremiah or one of the prophets." ¹⁵He said to them, "But who do you say that I am?" ¹⁶Simon Peter said in reply, "You are the Messiah, the Son of the living God."

¹³Khi Đức Giêsu đến vùng kế cận thành Xêdarê Philipphê, Người hỏi các môn đệ rằng: "Người ta nói Con Người là ai?" ¹⁴Các ông thưa: "Kẻ thì nói là ông Gioan Tẩy Giả, kẻ thì bảo là ông Êlia, có người lại cho là ông Giêrêmia hay một trong các vị ngôn sứ." ¹⁵Đức Giêsu lại hỏi: "Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?" ¹⁶Ông Simôn Phêrô thưa: "Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống."

What is Christology – Kitô học là gì?

According to you,
What is Christology?

Theo bạn thì
Kitô học là gì?

What is Christology – Kitô học là gì?

Some define Christology as the study of Christ, with the understanding that this study is part of theology, and theology is the study of God.

Others define Christology as "thinking about" or "reflecting upon" Christ.

Một số tác giả định nghĩa Kitô học là việc nghiên cứu về Đức Kitô, hiểu rằng việc nghiên cứu này là một phần của môn thần học, là môn học nghiên cứu về Thiên Chúa.

Các tác giả khác định nghĩa Kitô học như "suy nghĩ về" hoặc "suy niệm về" Đức Kitô.

What is Christology – Kitô học là gì?

Branch of theology dealing specifically with the nature and personality of Jesus Christ, his realization of the types and prophecies of the Old Testament and his life and teachings as narrated in the Gospels.

New Catholic Dictionary

Nghành thần học bàn đặc biệt về bản tính và căn tính của Chúa Giêsu Kitô, việc Người thể hiện các tiền trưng và lời tiên tri trong Cựu Ước, cùng cuộc đời và giáo huấn của Người như được kể trong các sách Tin Mừng.

Tân Tục Điển Công Giáo

What is Christology – Kitô học là gì?

"Christology is the process of interpreting one's faith-experience of God, alive for us in and through Jesus, the Christ."

Gerard Luttenger - An Introduction to Christology

"Kitô học là tiến trình giải thích kinh nghiệm đức tin của một người về Thiên Chúa, đang sống cho chúng ta trong và qua Chúa Giêsu, Đấng Kitô."

Gerard Luttenger – Dẫn Nhập vào Kitô Học

What is Theology – Thần học là gì?

Theology can be defined as the science in which the reason of the believer, *guided* by *theological faith*, tries to understand better the mysteries revealed by God and its consequences in human existence.

Thần học có thể được định nghĩa như một khoa học mà trong đó lý do giúp người tín hữu, *được hướng dẫn* bởi *đức tin vào Thiên Chúa*, cố gắng hiểu rõ hơn những mầu nhiệm được Thiên Chúa mặc khải và những hậu quả của chúng trong cuộc đời con người.

What is Theology – Thần học là gì?

According to Saint Alselm, *theology is "fides quaerens intellectum: faith seeking understanding."*

A theologian is moved not by mere curiosity but by love and veneration for the mystery.

Theo Thánh Alsêmo thì, *thần học là "fides quaerens intellectum: đức tin tìm sự hiểu biết"*.

Một thần học gia được đánh động không chỉ thuần túy bởi óc tò mò nhưng bởi tình yêu và tôn kính mầu nhiệm.

What is Theology – Thần học là gì?

"Just as the right order of things demands that we first believe in the mysteries of Christian faith before daring to examine them rationally, so likewise it seems to me that, once we have been confirmed in faith, we would be neglected if we did not then attempt to understand what we believe" (*Cur Deus Homo*).

"Cũng như trật tự hợp lý của sự vật đòi hỏi rằng chúng ta trước hết phải tin vào các mầu nhiệm đức tin Kitô giáo rồi mới dám nghiên cứu các mầu nhiệm ấy theo lý trí, thì đối với tôi có lẽ cũng vậy, một khi đã vững chắc trong đức tin, chúng ta sẽ bị coi tắc trách nếu không cố gắng hiểu điều chúng ta tin" (*Tại sao TC làm người*).

What is Theology – Thần học là gì?

"Just as the right order of things demands that we first believe in the mysteries of Christian faith before daring to examine them rationally, so likewise it seems to me that, once we have been confirmed in faith, we would be neglected if we did not then attempt to understand what we believe" (*Cur Deus Homo*).

"Cũng như trật tự hợp lý của sự vật đòi hỏi rằng chúng ta trước hết phải tin vào các mầu nhiệm đức tin Kitô giáo rồi mới dám nghiên cứu các mầu nhiệm ấy theo lý trí, thì đối với tôi có lẽ cũng vậy, một khi đã vững chắc trong đức tin, chúng ta sẽ bị coi tắc trách nếu không cố gắng hiểu điều chúng ta tin" (*Tại sao TC làm người*).

What is Theology – Thần học là gì?

"The believer should not argue the faith, but — while always keeping it firm, loving it, and living according to it — he can humbly and to the extent possible, seek the reasons why the faith is so. If he is able to understand, he will please God; if he does not succeed, he will submit and will venerate it" (PL 158, 263, C).

"Người tín hữu không nên bàn cãi về đức tin, nhưng — trong khi luôn vững tin, yêu mến nó, và sống theo nó — người ấy có thể khiêm nhường và càng rộng càng tốt, tìm những lý do tại sao đức tin lại như thế. Nếu họ có thể hiểu, họ sẽ làm đẹp lòng Thiên Chúa; nếu thất bại, họ sẽ vâng phục và tôn kính nó" (PL 158, 263, C).

Faith & Reason by St. Thomas Aquinas

"Faith consolidates, integrates and illumines the heritage of truth that human reason acquires. The trust with which St. Thomas endows these two instruments of knowledge faith and reason may be traced back to the conviction that both stem from the one source of all truth, the divine Logos, which is active in both contexts, that of Creation and that of redemption."

"Đức tin củng cố, sát nhập và soi sáng gia sản chân lý được thủ đắc bởi lý trí của con người. Sự tin tưởng mà Thánh Tôma dành cho hai công cụ để hiểu biết là đức tin và lý trí, có thể tìm được ở xác tín là cả hai xuất phát từ cùng một nguồn mạch chân lý tuyệt đối, Ngôi Lời của Thiên Chúa hoạt động trong công trình tạo dựng cũng như trong công trình cứu chuộc".

Faith & Reason by St. Thomas Aquinas

"Reason receives a truth by virtue of its intrinsic evidence, faith, on the contrary, accepts a truth on the basis of the authority of the Word of God that is revealed. This distinction guarantees the autonomy of both the human and the theological sciences. However, it is not equivalent to separation but, rather, implies a reciprocal and advantageous collaboration. "

"Lý trí thừa nhận một chân lý bằng cách dựa vào sự hiển nhiên nội tại của nó, trái lại, đức tin chấp nhận một chân lý trên quyền bính của Lời Chúa được mạc khải. Sự phân biệt này bảo đảm quyền tự trị của các khoa học nhân văn cũng như các khoa học thần học. Tuy nhiên, nó không tương tự như một sự tách rời, mà ám chỉ một sự hợp tác có lợi cho cả hai bên. "

Faith & Reason by St. Thomas Aquinas

"Faith, in fact, protects reason from any temptation to distrust its own abilities, stimulates it to be open to ever broader horizons, keeps alive in it the search for foundations and, when reason itself is applied to the supernatural sphere of the relationship between God and man, faith enriches his work.

"Thực ra, đức tin bảo vệ lý trí khỏi mọi cám dỗ nghi ngờ về khả năng của mình, kích thích nó để mở ra cho những chân trời rộng lớn hơn, bảo tồn việc tìm kiếm các nền tảng và, khi chính lý trí được áp dụng vào phạm vi siêu nhiên của mối liên hệ giữa Thiên Chúa và con người, đức tin phong phú hoá việc làm của lý trí."

Faith & Reason by St. Thomas Aquinas

"Reason too, with its own means can do something important for faith, making it a threefold service:

1. demonstrating those truths that are preambles of the faith;
2. giving a clearer notion, by certain similitudes, of the truths of the faith;
3. resisting those who speak against the faith, either by showing that their statements are false, or by showing that they are not necessarily true" (q. 2, a.3).

"Mặt khác, lý trí và những phương tiện của nó có thể làm một việc quan trọng cho đức tin, là phục vụ nó ba cách:

1. minh chứng những chân lý làm nền tảng của đức tin,
2. giải thích cách rõ ràng các chân lý đức tin bằng những so sánh vững chắc,
3. đẩy lui những kẻ nói chống lại đức tin, bằng cách chứng tỏ rằng các phát biểu của họ là sai lạc, hoặc cho thấy rằng chúng chưa chắc đã đúng".

The Importance of Faith Tầm quan trọng của Đức Tin

The faith is the absolute requisite for theology. It is so not only because the faith is its raw material (theology has the faith as a starting point) but because good theology is done from within the faith.

Theology is thus something more than a simple rational reflection on the data of Revelation. This is why Saint Augustine affirms: understand in order to believe, believe in order to understand.

Đức tin là điều tuyệt đối cần thiết cho thần học. Sở dĩ như thế không phải chỉ vì Đức Tin là nguyên liệu thô (thần học có đức tin là một khởi điểm) nhưng vì thần học tốt được thực hiện từ bên trong Đức tin.

Do đó thần học là một điều gì đó nhiều hơn một suy tư đơn giản hợp lý về các dữ kiện của Mạc Khải. Đây là lý do tại sao Thánh Augustinô khẳng định: hiểu để tin, tin để hiểu.

What is Faith? – Đức Tin là gì?

At the time of Saints Anselm (1110) and Saints Thomas (1220), there was only one Faith: the Catholic Faith.

After the Reformation (1520) there have been many definitions of faith.

Vào thời Thánh Anselmô (1110) và Tôma (1220), chỉ có một Đức Tin mà thôi: Đức Tin Công Giáo.

Sau cuộc cải cách Tin Lành (1520) thì có nhiều định nghĩa về Đức Tin.

What is Catholic Faith? – Đức Tin CG là gì?

"Faith implies assent of the intellect to that which is believed....The intellect assents... in two ways.

First, through being moved to assent by its very object, which is known either by itself ..., or through something....

Secondly the intellect assents to something,... through an act of choice, whereby it turns voluntarily to one side rather than to the other: ... , if there be certainty and no fear of the other side, there will be faith" (S.T., II-II, Q. 1, A. 4.)

"Đức tin ám chỉ sự ưng thuận của trí khôn với điều được tin.... Trí khôn ưng thuận... bằng hai cách.

Trước hết, vì được đánh động để ưng thuận bởi chính khách thể, có thể được biết vì chính nó..., hay qua một điều gì khác....

Thứ đến, trí khôn ưng thuận một điều gì... bởi một hành động lựa chọn, như thế trở thành tự ý theo bên này thay vì bên kia..., nếu có sự chắc chắn và không sợ bên kia, thì sẽ là đức tin" (S.T., II-II, Q. 1, A. 4).

Catholic Faith – Đức Tin Công Giáo

- | | |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Faith as a theological virtue
faith is "the act of the intellect assenting to a Divine truth owing to the movement of the will, which is itself moved by the grace of God" (St. Thomas, II-II, Q. iv, a. 2). 2. Faith is not blind – because of the authority of God Who reveals them and certain external proofs of His revelation. 3. Justification not by faith alone | <ol style="list-style-type: none"> 1. Đức tin là một nhân đức đối thần
Đức tin là "hành động của trí khôn chấp nhận một chân lý của Thiên Chúa vì sự chuyển động của ý chí, là điều được tác động bởi ân sủng của Thiên Chúa" (Th. Tôma, II-II, Q. iv, a. 2). 2. Đức tin không mù quáng – bởi vì quyền bính của Thiên Chúa Đáng mặc khải chúng và những bằng chứng ngoại tại chắc chắn về mặc khải của Ngài. 3. Công chính hoá không chỉ nhờ ĐT |
|--|---|

Protestantism Faith – Đức Tin Tin Lành

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. "Faith, in the sense in which I am here using the word, is the art of holding on to things your reason has once accepted, in spite of your changing moods" (C.S. Lewis – Mere Christianity). 2. Faith is a living, bold trust in God's grace, so certain of God's favor that it would risk death a thousand times trusting in it (Luther). | <ol style="list-style-type: none"> 1. "Đức tin, theo nghĩa tôi dùng từ này ở đây, là nghệ thuật giữ vững những điều mà lý trí bạn đã một lần chấp nhận, bất kể các thay đổi tâm trạng của bạn" (C.S. Lewis – Mere Christianity). 2. Đức tin là một sự cả gan tin tưởng vào ân sủng của Thiên Chúa, rất chắc chắn vào thiện ý của Thiên Chúa đến nỗi có thể sẵn sàng chết cả ngàn lần để tin tưởng vào điều ấy (Lutherô). |
|--|--|

Lutheranism Faith – Đức Tin phái Lutherô

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Faith Alone - By Jesus' suffering and death as the substitute for all people of all time. 2. Grace Alone - God loves the people of the world, even though they are sinful. 3. Scripture Alone - The Bible is God's inerrant and infallible Word... It is the sole rule and norm for Christian doctrine | <ol style="list-style-type: none"> 1. Duy Đức Tin – Nhờ cái chết và khổ nạn của Chúa Giêsu như thay thế cho mọi người ở mọi thời đại 2. Duy Ân Sủng – Thiên Chúa yêu dân chúng trên thế gian, mặc dù họ tội lỗi. 3. Duy Thánh Kinh – Thánh Kinh là Lời vô ngộ của Thiên Chúa... Nó là luật lệ và tiêu chuẩn duy nhất cho học thuyết Kitô giáo. |
|--|--|

Calvanism Faith – Đức Tin phái Calvin

- | | |
|--|--|
| 1. T - Total Depravity | 1. T – Hoàn toàn hư hỏng |
| 2. U - Unconditional Election | 2. U – Tuyển chọn vô điều kiện |
| 3. L - Limited Atonement | 3. L – Chuộc tội có giới hạn |
| 4. I - Irresistible Grace | 4. I – Ân sủng không cưỡng được |
| 5. P - Preservation of the Saints | 5. P – Việc bảo tồn các thánh |

Other Protestants – Các GP Tin Lành khác

- | | |
|--|---|
| 1. Baptist ; Baptize adults only. | 1. Baptít ; Chỉ rửa tội cho người lớn. |
| 2. Seventh day Adventist -
Ellen White authority – Sleeping souls – No Hell. | 2. Cơ Đốc Phục Lâm – quyền bính của Ellen White– linh hồn ngủ – không có Hoả Ngục. |
| 3. Pentecostals – Baptism by the Holy Spirit and speaking in tongues. | 3. Ngũ Tuần – tin vào việc Rửa Tội bằng Thánh Thần và nói các tiếng lạ. |
| 4. Evangelical – "born again", no sacraments – rapture – preaching | 4. Truyền Đạo – "tái sanh", không có bí tích – được đưa lên mây – giảng đạo |
| 5. No belief in Holy Trinity | 5. Không tin Thiên Chúa Ba Ngôi |

Catholic Faith in Jesus - Đức Tin vào Chúa Giêsu

Jesus is the Only Son of God
God has visited his people. He has fulfilled the promise he made to Abraham and his descendants. He has sent his own 'beloved Son'. We believe and confess that Jesus of Nazareth is the eternal Son of God made man. He is 'the Christ, the Son of the living God.' On the rock of this faith, Christ built his Church (CCC 422-424).

Chúa Giêsu: Con Một Thiên Chúa
Thiên Chúa đã viếng thăm dân Ngài. Ngài đã làm tròn lời hứa với ông Abraham và con cháu ông. Ngài đã sai "Con yêu dấu" của Ngài. Chúng tôi tuyên xưng rằng Chúa Giêsu thành Nadareth là Con Vĩnh Cửu của Thiên Chúa làm người. Người là 'Đức Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống.' Trên đá tảng đức tin này, Đức Kitô xây dựng Hội Thánh Người (GLHTCG 422-424).

Catholic Faith in Jesus - Đức Tin vào Chúa Giêsu

"To preach. . . the unsearchable riches of Christ"

The transmission of the Christian faith consists primarily in proclaiming Jesus Christ in order to lead others to faith in him. Christ is the Living Word appearing to save us. From the beginning, the first disciples burned with the desire to proclaim Christ. We continue the work of the Apostles to preach the unsearchable riches of Christ to the world (CCC 425).

"Đề rao giảng... sự phong phú khôn lường của Đức Kitô"

Việc truyền đạt đức tin trước hết bao gồm việc loan báo Đức Giêsu Kitô để dẫn những người khác đến đức tin vào Người. Đức Kitô là Lời ban sự sống đã xuất hiện để cứu độ chúng ta. Ngay từ đầu, các môn đệ tiên khởi đã nóng lòng ao ước rao giảng Đức Kitô. Chúng ta tiếp tục công việc của các Tông Đồ là rao giảng sự phong phú khôn lường của Đức Kitô cho nhân loại (GLHTCG 425).

Catholic Faith in Jesus - Đức Tin vào Chúa Giêsu

Whoever is called "to teach Christ" must first seek "the surpassing worth of knowing Christ Jesus"; he must suffer "the loss of all things..." in order to "gain Christ and be found in him", and "to know him and the power of his resurrection, and [to] share his sufferings, becoming like him in his death, that if possible [he] may attain the resurrection from the dead". From this loving knowledge of Christ springs the desire to proclaim him, to "evangelize", and to lead others to the "yes" of faith in Jesus Christ (428-429).

Ai được mời gọi để dạy về Đức Kitô trước hết phải tìm "mối lợi tuyệt vời là hiểu biết Đức Kitô;" người đó phải "mất hết ... để được Đức Kitô và được kết hợp với Người", và để biết Người và quyền năng của sự Phục Sinh của Người, và để chia sẻ sự đau khổ của Người, nên giống Người trong cái chết của Người, để có thể được sống lại. Từ sự hiểu biết Đức Kitô trong tình yêu này, chúng ta mới khao khát rao giảng về Người, Phúc Âm hoá và dẫn tha nhân đến đức tin vào Người (428-429).

Catholic Faith in Jesus Đức Tin vào Chúa Giêsu của Công Giáo

Review Catholic Christological doctrine

- Central to Our Faith
- Developed over century

Ôn lại những giáo lý về Kitô Học

- Trọng tâm của đức tin của chúng ta
- Được phát triển qua nhiều thế kỷ

Historical Reality of Jesus

- | | |
|---|--|
| • 1 st century Jew | • Một người Do Thái thế kỷ thứ 1 |
| • 6 BC-33 AD | • 6 BC-33 AD |
| • Roman empire - born in Bethlehem during Herod the Great | • Đế quốc Roman - sinh ra ở Bethlehem trong thời Vua Hêrôđê Cả |
| • Died during reign of Tiberius | • Chết trong thời Hoàng Đế Tiberiô |
| • Crucified under Pontius Pilate | • Chịu đóng đinh dưới thời Phongxiô Philatô |
| • Carpenter by trade | • Làm nghề thợ mộc |

Historical Reality of Jesus

- | | |
|---|--|
| • 1 st century Jew | • Một người Do Thái thế kỷ thứ 1 |
| • 6 BC-33 AD | • 6 BC-33 AD |
| • Roman empire - born in Bethlehem during Herod the Great | • Đế quốc Roman - sinh ra ở Bethlehem trong thời Vua Hêrôđê Cả |
| • Died during reign of Tiberius | • Chết trong thời Hoàng Đế Tiberiô |
| • Crucified under Pontius Pilate | • Chịu đóng đinh dưới thời Phongxiô Philatô |
| • Carpenter by trade | • Làm nghề thợ mộc |

The Resurrection of Jesus CCC 638-658

- | | |
|---|--|
| • The crowning truth of our faith in Christ | • Chân lý tột đỉnh của đức tin vào Đức Kitô |
| • Raised to a glorified life | • Sống lại trong vinh quang |
| • Confirmation of his full divinity | • Xác nhận thiên tính trọn vẹn của Người |
| • Ascension- exalted to union with the Father | • Lên Trời – Được nâng lên để kết hợp với Chúa Cha |

The Incarnation of Jesus CCC 456-463

- | | |
|--|---|
| • God became human | • Thiên Chúa trở thành người ta |
| • The fullness of God's mystery is revealed in Jesus | • Sự trọn vẹn của mầu nhiệm Thiên Chúa được mặc khải trong Chúa Giêsu |
| • Second Person of the Trinity | • Ngôi Hai của Thiên Chúa Ba Ngôi |
| • Fully human, fully divine (CCC 464-469) | • Người thật, Thiên Chúa thật (CCC 464-469) |

Purpose of the Incarnation our salvation 461-463, 604-623

- | | |
|--------------------------------------|---|
| • Love of God for all humanity | • Tình yêu của TC dành cho nhân loại |
| • Died for our sins | • Chết vì tội chúng ta |
| • Save us by reconciling us with God | • Cứu chúng ta bằng cách hòa giải chúng ta với TC |
| • Redemption (CCC 517) | • Chuộc tội CCC 517 |

Jesus is the fullness of humanity and divinity

- | | |
|---|---|
| • Like us in all things but sin (470-478) | • Giống chúng ta trong mọi sự trừ tội lỗi (470-478) |
| • By looking to Christ, we learn to come to God (CCC 516) | • Nhìn lên Đức Kitô, ta học đến với TC (516) |
| • Model of holiness | • Gương mẫu sự thánh thiện |

Enduring presence of Christ CCC 669

- | | |
|------------------------------------|--|
| • In Church | • Trong Hội Thánh |
| • In Sacraments
(CCC 1377-1380) | • Trong các Bí Tích
(CCC 1377-1380) |
| • In prayer | • Trong cầu nguyện |

Second Coming of Christ - CCC 671-677

Directs all creation to its true fulfillment

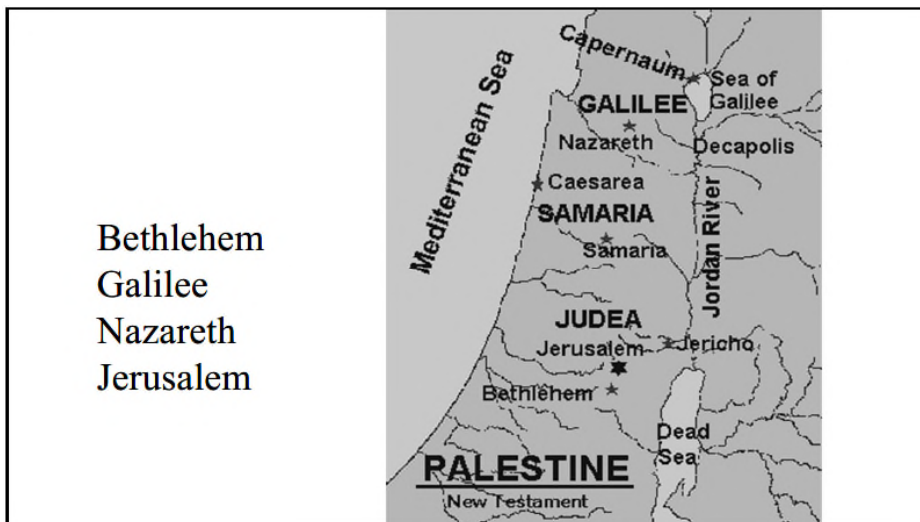
- Though already present in his Church, His reign is still under attack by the evil powers
- Before Christ's second coming the Church must pass through a final trial that will shake the faith of many believers.

Hướng dẫn mọi tạo vật đến sung mãn thật

- Mặc dù đã hiện diện trong HT, triều đại của Người vẫn còn bị quyền lực sự dữ tấn công
- Trước khi Chúa Giêsu trở lại, HT phải trải qua một cuộc thử thách cuối cùng, làm lung lạc đức tin của nhiều tín hữu.

The World of Jesus

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| • Geography of Israel | • Địa dư của Israel |
| • Political, Cultural Climate | • Bầu khí chính trị và văn hóa |
| • Family Life | • Đời sống gia đình |
| • Carpentry - teknon | • Thợ mộc - teknon |
| • Religious Climate | • Bầu khí tôn giáo |



The World of Jesus

Political, Cultural Climate

- Romans
- Tax collectors
- Gentiles
- Samaritans
- Anaweim (poor/oppressed)
- Widows/orphans

Bầu Khí Chính Trị và Văn Hóa

- Người Roma
- Người thu thuế
- Dân Ngoại
- Người Samaritanô
- Anaweim (nghèo/bị áp bức)
- Cô nhi quả phụ

The World of Jesus

Family Life

- Importance of family background
- Visiting Jerusalem

Đời sống gia đình

- Tầm quan trọng của lai lịch gia đình
- Hành hương Giêrusalem

The World of Jesus

Carpentry - teknon

- Heavy construction, skilled craftsman
- Home building, ploughs, yokes, cabinets

Thợ mộc - teknon

- Thợ lành nghề trong ngành xây cất nặng
- Thợ xây nhà, làm cây, ách, và bàn tủ

The World of Jesus

Religious Climate

- Law
- Temple
- Sanhedrin
- Pharisees
- Sadducees
- Essenes
- Zealots

Bầu Khí Tôn Giáo

- Lễ Luật
- Đền Thờ
- Công Nghị
- Người Biệt Phái
- Người Xa Đốc
- Người Exênê
- Người Quá Khích